

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 26-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng;

Ông Nguyễn Tuấn Trung;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Linh, Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ phiên tòa tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần: Ông Đặng Văn Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ phiên tòa tại điểm cầu thành phần tại phòng họp của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T: Ông Nguyễn Hoàng Duy – Chuyên viên của của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2024/TLST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Sơn H2, sinh ngày 21/7/2002; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sơn H (đã chết) và bà Sơn Thị H1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 21/02/2024 đến ngày 24/02/2024 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Sơn H2 là:* Bà **Nguyễn Thị Thanh P**, là trợ giúp viên pháp lý; công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt).

- Bị hại: Anh **Trần Văn P1**, sinh năm 1978 và chị **Nguyễn Thị P2**, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Sơn Thị H3**, sinh năm 1975 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông **Thạch Thia R** – Giáo viên hưu trí (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 45 phút ngày 01/7/2023, sau khi sử dụng rượu, bia xong thì bị can Thạch Văn T1 điều khiển mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biển số 84G1-712.93 chở bị cáo Sơn H2 về hướng ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để đi qua nhà của bị can Thạch Văn T1. Sau đó bị can T1 chở bị cáo H2 đi theo đường tắt (đường đất) nhưng lúc này trời mưa nên đường trơn trượt, khi chạy qua nhà ông Trần Văn P1 một đoạn khoảng 15 mét thì bị ngã xe do đường đất trơn trượt và không đi được nữa nên bị cáo H2 kêu bị can T1 quay xe để chạy ngược lại đường cũ và bị can T1 đồng ý, bị can T1 và bị cáo H2 quay xe lại rồi xuống xe để đi vệ sinh thì phát hiện khu vực trước nhà ông P1 có một xe hàn bằng sắt (loại xe kéo, lòng bằng sắt), trên xe chất đầy trái dừa khô nên bị cáo H2 và bị can T1 nảy sinh ý định lấy trộm, lúc này bị cáo H2 nói với bị can T1 “Có xe chở đầy dừa kia lấy không”, bị can T1 trả lời “Ừ, lấy đi, mày kéo xe ba gác đó qua đi để xe tao chở cho”, bị cáo H2 trả lời “Ừ”. Tiếp đó H2 đi qua kéo xe hàn bằng sắt, còn bị can T1 thì quay đầu xe lại để về hướng đường đất ra đường bê tông. Sau đó bị cáo H2 kéo xe hàn bằng sắt để tay kéo lên yên xe mô tô biển số 84G1 - 712.93 rồi bị cáo H2 ngồi đề lên, còn bị can T1 điều khiển xe từ đường đất đi ra đường bê tông rồi lên đường nhựa thuộc ấp S, xã T, huyện T và tiếp tục đi ra đường nhựa Quốc lộ E hướng huyện T, tỉnh Trà Vinh để về nhà của bị cáo H2 thuộc ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trên đường đi thì bị cáo H2 và bị can T1 bàn bạc với nhau là sẽ lấy số tài sản vừa trộm được đem đi bán để lấy tiền tiêu xài. Sau khi về đến nhà của bị cáo H2 thì bị can T1 và bị cáo H2 đem tất cả trái dừa khô trên xe xuống và kiểm tra có 144 trái, còn xe hàn bằng sắt thì bị can T1 và bị cáo H2 đem cất giấu ở phía sau nhà rồi cả hai nhà ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 02/7/2023 do sợ bị người khác phát hiện xe

hàn bằng sắt nên bị can T1 và bị cáo H2 tiếp tục bàn bạc là đem xe hàn bằng sắt đẩy xuống cái ao nước trước nhà của bị cáo H2 để giấu đến khi thấy tình hình ổn thì sẽ kéo xe lên để đem bán, nên bị cáo H2 đi ra kéo xe, còn bị can T1 đẩy xe đến cái ao rồi cùng đẩy xe xuống cái ao. Bị can T1 và bị cáo H2 chưa kịp lấy tài sản trộm được đem đi bán thì bị lực lượng Công an phát hiện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 06/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 01 (Một) trái dừa khô theo giá thị trường tại thời điểm ngày 01/7/2023 có giá 6.000 đồng/trái, thành tiền: 144 trái x 6.000 đồng/trái = 864.000 đồng; 01 (Một) xe hàn bằng sắt và chi phí gia công hoàn thiện sản phẩm theo giá thị trường tại thời điểm ngày 01/7/2023 có giá là 5.847.206 đồng, giá trị xe trên là 5.847.206 đồng x giá trị còn lại 90% = 5.262.485 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản bị cáo và bị can T1 trộm là: **6.126.485 đồng**.

Về vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biên số 84G1-712.93; 01 (một) xe hàn bằng sắt, quy cách phân tay kéo dài 0,83 mét, phần thân dài 1,5 mét, ngang 0,83 mét, cao 0,87 mét; dừa khô là 144 trái.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu như sau: Trả lại cho ông Trần Văn P1 và bà Nguyễn Thị P2 gồm: 01 (một) xe hàn bằng sắt, quy cách phân tay kéo dài 0,83 mét, phần thân xe dài 1,5 mét, ngang 0,83 mét, cao 0,87 mét và 144 trái dừa khô; trả lại cho bà Sơn Thị H3 là 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biên số 84G1 - 712.93.

Đối với bị can Thạch Văn T1, sau khi cùng bị cáo H2 thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố bị can, tuy nhiên bị can T1 đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đến nay chưa có kết quả, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T quyết định tách vụ án đối với bị can T1, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại cáo trạng số: 15/CT-VKSTC-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Sơn H2 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Sơn H2 từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2024.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đã xử lý xong, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo H2 tranh luận: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo luôn thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội thuộc trường hợp không gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, nên đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử bị cáo dưới mức thấp nhất là 06 tháng tù. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo do thời điểm bị cáo phạm tội thuộc diện hộ cận nghèo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị H3 trình bày: Bà không có yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị cáo Sơn H2 không tranh luận.

Bị cáo Sơn H2 nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình để đi làm để phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Khoảng 19 giờ 45 phút ngày ngày 01/7/2023, tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Sơn H2 và bị can Thạch Văn T1 đã lén lút lấy trộm tài sản của anh P1 và chị P2 gồm: 01 (một) xe hàn bằng sắt, quy cách phần tay kéo dài 0,83 mét, phần thân xe dài 1,5 mét, ngang 0,83 mét, cao 0,87 mét và 144 (Một trăm bốn mươi bốn) trái dừa khô, với tổng giá trị tài sản là 6.126.485 đồng. Lời nhận tội của bị cáo đúng như nội

dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với những lời khai của các bị cáo trước đây tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 01/7/2023, tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Sơn H2 và bị can Thạch Văn T1 cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại gồm: 01 (một) xe hàn bằng sắt, quy cách phần tay kéo dài 0,83 mét, phần thân xe dài 1,5 mét, ngang 0,83 mét, cao 0,87 mét và 144 (Một trăm bốn mươi bốn) trái dừa khô, với tổng giá trị tài sản là 6.126.485 đồng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp khi đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

[3] Cho nên Cáo trạng số 15/CT-VKSTC-HS ngày 06/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với bị can T1 sau khi cùng bị cáo H2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hiện đang bỏ trốn và Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã nhưng đến nay chưa bắt được. Do đó, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục truy nã bị can T1 để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu là do vào lúc 09 giờ ngày 01/7/2023 bị cáo đã có hành vi hủy hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, hành vi này của bị cáo thực hiện trước thời điểm bị cáo phạm tội là vào lúc 19 giờ 45 phút ngày 01/7/2023.

[6] Về tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa hôm nay tỏ ăn năn hối cải; bị cáo trình độ học vấn thấp, là dân tộc thiểu số, xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử

áp dụng điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân, hưởng lợi ích bất hợp pháp. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ sức khỏe đáng lẽ ra bị cáo phải tìm việc làm phù hợp để tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn hưởng lợi bất hợp pháp muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động cực nhọc nên bị cáo bất chấp pháp luật. Sau khi phạm tội trong giai đoạn điều tra bị cáo bỏ trốn và cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã một thời gian mới bắt được bị cáo, việc bị cáo bỏ trốn đã gây khó khăn cho hoạt động điều tra làm vụ án kéo dài. Việc bị cáo bỏ trốn sau khi có lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật. Hiện nay, trên địa bàn huyện T tình hình trộm cắp tài sản có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức độ, vai trò phạm tội của bị cáo như đã phân tích nêu trên một cách toàn diện, thận trọng để ra một Bản án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn năm 2023 gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, năm 2014 được xóa hộ cận nghèo nhưng hoàn cảnh gia đình bị cáo vẫn rất khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[9] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo có sở nên được chấp nhận một phần. Tuy nhiên với yêu cầu áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức 06 tháng tù là không có cơ sở chấp nhận, vì bị cáo là người chủ động khởi xướng việc phạm tội, sau khi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra, cụ thể trong vụ án này hiện tại còn bị can T1 đang bỏ trốn đã truy nã nhưng chưa bắt được gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án, nên cần xử nghiêm. Do đó Hội đồng không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Đối với yêu cầu miễn án phí, xét hiện tại bị cáo không còn thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên không đủ điều kiện để miễn án phí. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của người bào chữa.

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị xử lý đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Sơn H2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Sơn H2 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/02/2024.

2. Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Sơn H2 phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân